

BÀN VỀ VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO LUẬT TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Đỗ Thị Minh Phượng¹, Vũ Thị Lan Hương¹
Email: phuongdtm@hvn.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1019

Tóm tắt: Bối cảnh chuyển đổi số và sự dịch chuyển nhu cầu nhân lực pháp lý sang khu vực doanh nghiệp đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới đào tạo luật tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phân tích tài liệu kết hợp khảo sát 273 sinh viên năm nhất ngành Luật Kinh tế để nhận diện xu hướng nghề nghiệp và nhu cầu kỹ năng. Kết quả cho thấy 73,2% sinh viên mong muốn làm pháp chế doanh nghiệp; hơn một nửa có kế hoạch học thêm ngành thứ hai, phản ánh xu hướng đào tạo liên ngành. Các kỹ năng được đánh giá quan trọng nhất gồm phân tích và áp dụng pháp luật, phân tích và lập luận và đàm phán, soạn thảo văn bản/hợp đồng. Sinh viên cũng có nhu cầu lớn đối với thực tập sớm và hỗ trợ định hướng nghề nghiệp. Từ các kết quả này, bài viết đề xuất đổi mới mục tiêu và cấu trúc chương trình theo nhu cầu thị trường, tăng cường kỹ năng nghề nghiệp, mở rộng liên kết doanh nghiệp và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong giảng dạy luật.

Từ khóa: chuyển đổi số, đào tạo luật, định hướng nghề nghiệp, kỹ năng nghề luật, pháp chế doanh nghiệp

I. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, đào tạo cử nhân luật tại các trường đại học Việt Nam chủ yếu gắn với nhu cầu bổ sung đội ngũ cho các cơ quan tư pháp và quản lý nhà nước. Cấu trúc chương trình, cách thức tổ chức môn học và thực tập đa phần đều hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực cho các vị trí trong các cơ quan này. Tuy

nhiên, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, quá trình hội nhập quốc tế, đặc biệt là làn sóng chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và nhu cầu tinh giản bộ máy nhà nước đã và đang dần dần làm thay đổi căn bản nhu cầu này.

Thực tế cho thấy, hầu hết các doanh nghiệp hiện nay đều yêu cầu vị trí chuyên viên pháp chế hoặc bộ phận pháp lý nội

¹ Học viện Ngân hàng

bộ, tối thiểu phải tốt nghiệp cử nhân luật, để thực hiện các công việc về soạn thảo và thẩm định hợp đồng, kiểm soát rủi ro pháp lý, làm việc với cơ quan quản lý nhà nước, giải quyết tranh chấp... Bên cạnh đó, sự xuất hiện của các mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng số (thương mại điện tử, fintech, ngân hàng số) càng làm gia tăng nhu cầu về nhân lực pháp lý am hiểu công nghệ và quản trị dữ liệu. Tại một cuộc khảo sát gần đây được thực hiện với gần 20.000 sinh viên ĐH Quốc gia TP.HCM cho thấy chỉ có hơn 10% sinh viên giới muốn đi làm cho các cơ quan nhà nước (Hà Ánh, 2023). Điều này cho thấy một thực tế: cơ hội làm việc trong các cơ quan nhà nước không còn là lựa chọn ưu tiên của đa số sinh viên (trong đó có sinh viên ngành luật), trong khi chương trình đào tạo vẫn chưa chuyển dịch tương ứng sang khu vực doanh nghiệp - thị trường.

Trong bối cảnh đó, câu hỏi đặt ra là: liệu các cơ sở đào tạo Luật ở Việt Nam đã kịp thời đổi mới định hướng đào tạo để bắt nhịp với chuyển dịch nhu cầu nhân lực hay chưa; và nếu chưa, cần điều chỉnh theo hướng nào? Để góp phần trả lời câu hỏi này, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 273 sinh viên năm thứ nhất (K28) ngành Luật Kinh tế - Học viện Ngân hàng - nhằm nắm bắt định hướng về nghề nghiệp tương lai của những sinh viên này.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và đào tạo luật trong kỷ nguyên số

Quan niệm hiện đại về giáo dục đại học nhấn mạnh mối quan hệ hai chiều giữa nhà trường và thị trường lao động: chương trình đào tạo phải được thiết kế dựa trên phân tích nhu cầu xã hội, đồng thời chính chất lượng đào tạo lại tác động trở lại đến

cơ cấu và trình độ nhân lực của nền kinh tế (Lê, 2014). Cách tiếp cận này gắn liền với học thuyết *employability* (khả năng được tuyển dụng) trong giáo dục đại học, theo đó mục tiêu cốt lõi của đào tạo không chỉ là truyền thụ tri thức học thuật mà còn là hình thành năng lực nghề nghiệp và khả năng thích ứng của người học đối với thị trường lao động đang biến đổi nhanh chóng (Yorke, 2006; Jackson, 2016).

Trong bối cảnh chuyển đổi số, nhu cầu nhân lực pháp lý có một số đặc điểm mới: (i) tăng mạnh về số lượng ở khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là ngân hàng, tổ chức tài chính, doanh nghiệp công nghệ; (ii) yêu cầu ngày càng cao về năng lực phân tích, tư vấn, quản trị rủi ro pháp lý trong môi trường kinh doanh phức tạp; (iii) đòi hỏi kỹ năng sử dụng công nghệ, xử lý dữ liệu và giao tiếp trong môi trường số hoá. Những yêu cầu này phù hợp với mô hình *Higher Education 5.0 (Đại học trong kỷ nguyên công nghiệp 5.0)*, vốn nhấn mạnh vai trò của giáo dục đại học trong việc đào tạo nguồn nhân lực có năng lực số, tư duy liên ngành và khả năng đổi mới sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội số (Nguyễn, 2025; Diep, 2025; Dang & Bui, 2025).

Đối với ngành luật, chuyển đổi số không chỉ tạo ra các lĩnh vực pháp luật mới (pháp luật dữ liệu, pháp luật an ninh mạng, pháp luật tài chính số...) mà còn làm thay đổi cách thức hành nghề. Nhiều công đoạn truyền thống như tra cứu văn bản pháp luật, quản lý hồ sơ, phân tích chứng cứ... có thể được hỗ trợ bởi các công cụ số và trí tuệ nhân tạo, khiến kỹ năng “legal tech” trở thành yêu cầu cơ bản đối với luật sư, thẩm phán, chuyên viên pháp chế. Ở Việt Nam, định hướng

này cũng phù hợp với các chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo và đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục đại học (Bộ Chính trị, 2025).

2.2. Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng nghề luật

Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên là một cấu phần quan trọng của đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Các nghiên cứu về giáo dục nghề nghiệp cho rằng sinh viên cần được hỗ trợ hình thành nhận thức rõ ràng về nghề nghiệp tương lai, yêu cầu năng lực và lộ trình phát triển nghề nghiệp ngay từ những năm đầu đại học, qua đó nâng cao khả năng thích ứng và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp (Bridgstock, 2009). Cách tiếp cận này gắn chặt với học thuyết *work-based learning*, theo đó quá trình đào tạo cần kết hợp chặt chẽ giữa học tập học thuật và trải nghiệm nghề nghiệp thực tế thông qua thực tập, dự án ứng dụng, mô phỏng nghề nghiệp và giải quyết tình huống thực tiễn (Raelin, 1997). Đối với ngành luật, theo (Nguyễn & Đỗ, 2025) các nhóm kỹ năng cốt lõi thường được nhắc tới gồm: tư duy và lập luận pháp lý, kỹ năng phân tích và áp dụng pháp luật, kỹ năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng, kỹ năng tranh tụng, nghiên cứu pháp luật so sánh, kỹ năng giao tiếp - làm việc nhóm, kỹ năng công nghệ và ngoại ngữ chuyên ngành (Nguyễn & Đỗ, 2025)

Mô hình đào tạo hiện đại khuyến khích việc lồng ghép đào tạo kỹ năng nghề nghiệp vào toàn bộ quá trình học, không tách biệt giữa “học lý thuyết” và “học kỹ năng” mà coi việc giải quyết các tình huống thực tiễn, thực tập, phiên tòa giả định, lâm sàng pháp lý... là những phương thức học tập trọng tâm.

2.3. Xu hướng đào tạo luật theo hướng liên ngành

Một xu thế được nhiều học giả và nhà quản lý giáo dục luật khẳng định là đào tạo luật theo hướng liên ngành, kết hợp chặt chẽ với kinh tế, công nghệ thông tin, tài chính - ngân hàng, quản trị kinh doanh (Hong Linh, 2025). Cơ sở lý luận của xu hướng này bắt nguồn từ các tiếp cận liên ngành trong khoa học pháp lý, tiêu biểu là học thuyết *Law and Development*, coi pháp luật không tồn tại biệt lập mà gắn bó chặt chẽ với bối cảnh kinh tế - xã hội và quá trình phát triển (Tamanaha, 2011). Điều này xuất phát từ thực tế phần lớn tranh chấp và hoạt động pháp lý ngày nay gắn với hoạt động kinh doanh - tài chính, thương mại điện tử, quản trị dữ liệu. Mô hình “luật và...” (*law & business, law & technology, law & finance*) cho phép sinh viên vừa nắm vững tư duy pháp lý, vừa có khả năng đối thoại với chuyên gia ở các lĩnh vực khác, từ đó nâng cao giá trị nghề nghiệp (Armour & cộng sự, 2010; Graben, 2021).

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Một mặt, nhóm tác giả tổng hợp, phân tích các tài liệu thứ cấp liên quan đến đào tạo luật, chuyển đổi số, nhân lực pháp chế doanh nghiệp và xu hướng việc làm của sinh viên luật, bao gồm các bài báo khoa học, báo cáo, tin bài trên các phương tiện truyền thông chính thống. Các tài liệu này cung cấp bức tranh tổng quan về bối cảnh và những vấn đề đặt ra đối với đào tạo luật.

Mặt khác, bài viết khai thác dữ liệu từ khảo sát 273 sinh viên năm thứ nhất (K28) ngành Luật Kinh tế tại Học viện Ngân hàng. Bảng hỏi gồm nhiều câu, nhưng trong phạm vi bài viết này, chỉ sử

dụng những câu hỏi gắn trực tiếp với chủ đề định hướng đào tạo và nghề nghiệp. Số liệu được xử lý bằng thống kê mô tả (tỷ lệ phần trăm lựa chọn) và được sử dụng chủ yếu trong Mục IV - Kết quả và thảo luận để minh chứng cho các luận điểm.

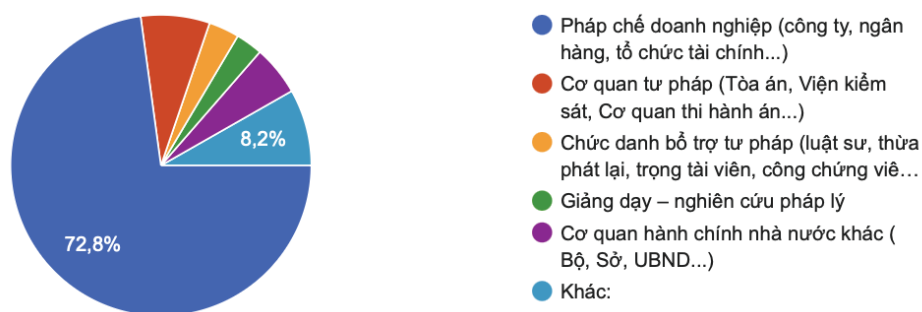
IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Xu hướng định hướng nghề nghiệp của sinh viên luật: Dịch chuyển mạnh sang khu vực doanh nghiệp

Trước những năm 2010 khi nền kinh tế Việt Nam ở giai đoạn đầu của thời kỳ hội nhập, với vai trò chủ đạo, định hướng, quản lý của Nhà nước, sinh viên luật khao khát được vào làm việc tại các cơ quan nhà nước trong các lĩnh vực như tư pháp và hành chính. Mục tiêu là sự ổn định và uy tín xã hội đi kèm với công việc công. Hiện nay, sự bùng nổ của các Doanh nghiệp FDI, khu vực kinh tế tư nhân và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế (WTO, EVFTA, CPTPP) đã tạo ra nhu cầu rất

lớn về chuyên gia luật kinh doanh. Sinh viên luật hiện đại ưu tiên các vị trí như Pháp chế doanh nghiệp, Luật sư tư vấn, luật sư tranh tụng... Sự chuyển dịch này là minh chứng cho việc ngành luật Việt Nam đã chuyển mình từ mô hình quản lý hành chính sang mô hình cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp phục vụ sự phát triển của thị trường, có sự cạnh tranh cao hơn và sự linh hoạt trong công việc là những động lực chính thúc đẩy sinh viên luật hiện nay chọn con đường dịch vụ và kinh tế.

Kết quả khảo sát đã xác nhận dự đoán về sự thay đổi trong nguyện vọng nghề nghiệp của sinh viên luật. Đối với câu hỏi “Sau khi tốt nghiệp, bạn mong muốn làm việc trong lĩnh vực nào nhất?”, lựa chọn áp đảo thuộc về pháp chế doanh nghiệp. Cụ thể, 73,2% sinh viên được hỏi cho biết họ muốn làm việc trong bộ phận pháp chế của các công ty, ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.



Hình 1. Lĩnh vực người được khảo sát mong muốn được làm sau khi tốt nghiệp

Đây là tỷ lệ cao vượt trội so với tất cả các hướng nghề nghiệp khác cộng lại. Điều này phù hợp với thực tế thị trường lao động hiện nay khi số lượng doanh nghiệp mới được thành lập ngày càng nhiều, nhu cầu tìm kiếm cử nhân luật để làm công tác tuân thủ và tư vấn pháp lý nội bộ ngày càng gia tăng.

Trái lại, nguyện vọng làm việc trong khối cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện kiểm

sát, cơ quan thi hành án...) chiếm tỷ lệ rất thấp. Theo biểu đồ, số sinh viên chọn “cơ quan tư pháp” chỉ chiếm khoảng dưới 10%. Xu hướng này cho thấy sức hút của các vị trí truyền thống trong bộ máy nhà nước đã giảm đi đáng kể. Bên cạnh đó, khoảng 8-9% sinh viên chọn hướng trở thành luật sư hoặc các chức danh hỗ trợ tư pháp (như công chứng viên, thừa phát lại, trọng tài viên). Tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với mong

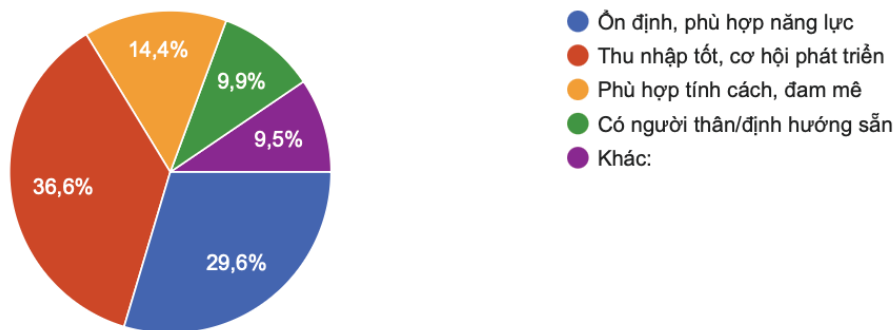
muốn làm pháp chế doanh nghiệp. Một số ít sinh viên (dưới 5%) bày tỏ nguyện vọng theo đuổi giảng dạy - nghiên cứu pháp lý trong tương lai. Cuối cùng, khoảng 8,8% sinh viên chọn “Khác”, có thể bao gồm những hướng đi như khởi nghiệp kinh doanh riêng có liên quan đến luật, làm việc cho các tổ chức phi chính phủ...

Như vậy, từ chỗ đầu ra truyền thống của sinh viên luật chủ yếu là khu vực công (Tòa án, Viện kiểm sát)... hiện nay đa số sinh viên hướng đến làm việc trong doanh nghiệp. Sự dịch chuyển này xuất phát từ cả cung và cầu: phía cầu lao động, các doanh nghiệp đang “khát” nhân lực pháp lý am hiểu kinh doanh để bảo đảm tuân thủ luật và hỗ trợ giao dịch - một phần do môi trường kinh doanh ngày càng rủi ro phức tạp, cần có sự bảo vệ từ phía luật pháp; bên cạnh đó, các cơ quan tư pháp nhà nước, do đặc thù tuyển dụng và yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh, thường có số chỉ tiêu hạn chế và quá trình thi tuyển khắt khe, cùng với chính sách tinh giản biên chế, chế độ lương thấp, điều này khiến

khả năng “vào nhà nước” của sinh viên không còn rộng mở như trước. Về phía cung lao động, sinh viên nhận thấy làm pháp chế doanh nghiệp có triển vọng phát triển nghề nghiệp, thu nhập và thăng tiến tốt hơn so với vào biên chế nhà nước.

4.2. Lý do lựa chọn hướng nghề nghiệp

Khi được hỏi vì sao lựa chọn hướng nghề nghiệp đã nêu, phần lớn sinh viên trả lời liên quan tới thu nhập và cơ hội phát triển (36,6%), tiếp theo là tính ổn định và phù hợp năng lực (29,3%), rồi đến sự phù hợp với tính cách, đam mê cá nhân (14,6%). Điều này cho thấy sinh viên có cách tiếp cận khá thực tế: cân nhắc giữa triển vọng thu nhập, cơ hội thăng tiến và mức độ phù hợp bản thân. Đáng chú ý, yếu tố “có người thân/giáo viên định hướng” chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (10,2%), chứng tỏ sinh viên ngày nay có xu hướng tự quyết nhiều hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp, dù vẫn chịu ảnh hưởng nhất định từ môi trường xung quanh.



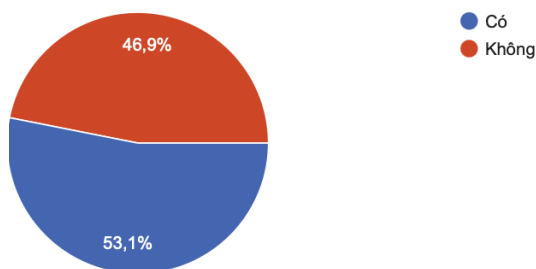
Hình 2. Lý do lựa chọn định hướng nghề nghiệp của người được khảo sát

4.3. Nhu cầu được đào tạo theo hướng liên ngành

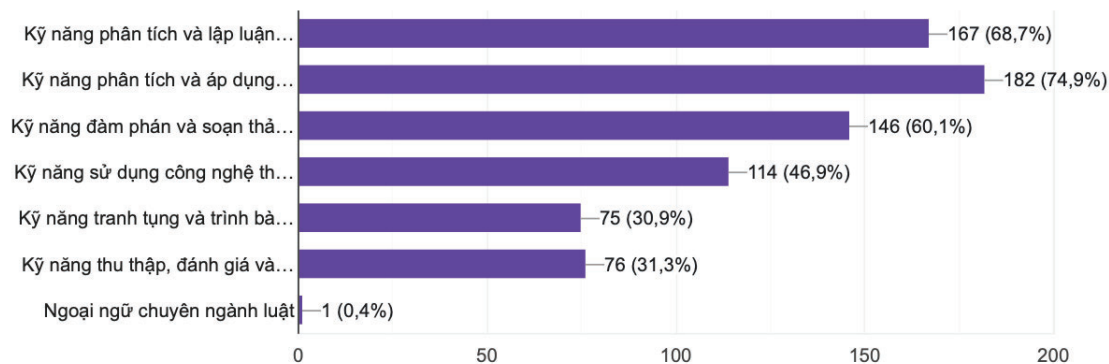
Khi được hỏi về kế hoạch cho tương lai để có thể thực hiện định hướng nghề nghiệp trên, kết quả khảo sát cho thấy 51,7% sinh viên được hỏi dự định học thêm chuyên ngành thứ hai tại Học viện

Ngân hàng. Tỷ lệ này cho thấy nhiều sinh viên luật đã định hướng nghề nghiệp rõ ràng hướng đến khu vực doanh nghiệp. Điều này thể hiện qua việc họ chủ động trang bị thêm kiến thức kinh tế (như tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh...) bên cạnh chuyên môn pháp lý.

Đây cũng là minh chứng cho xu hướng đào tạo luật theo hướng liên ngành trong thời đại mới. Việc kết hợp nền tảng pháp luật với kiến thức các ngành khác không chỉ mở rộng hiểu biết cho sinh viên mà còn nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Đây là xu thế tất yếu nhằm tạo ra đội ngũ pháp lý không chỉ vững về luật mà còn am hiểu các lĩnh vực liên quan.



Hình 3. Nhu cầu học chuyên ngành 2 của người được khảo sát



Hình 4. Những kỹ năng người được khảo sát cho là quan trọng nhất đối với lĩnh vực được lựa chọn (được lựa chọn tối đa 3 phương án)

4.5. Nhu cầu về các hoạt động hỗ trợ định hướng nghề nghiệp từ phía nhà trường

Một nội dung quan trọng khác của khảo sát là với câu hỏi: “Bạn có mong muốn Học viện/Khoa Luật hỗ trợ thêm hoạt động nào NHẤT trong số các hoạt động sau để định hướng nghề nghiệp tốt hơn?” lựa chọn được nhiều sinh viên đánh đầu nhất là “Tham quan, thực tập sớm

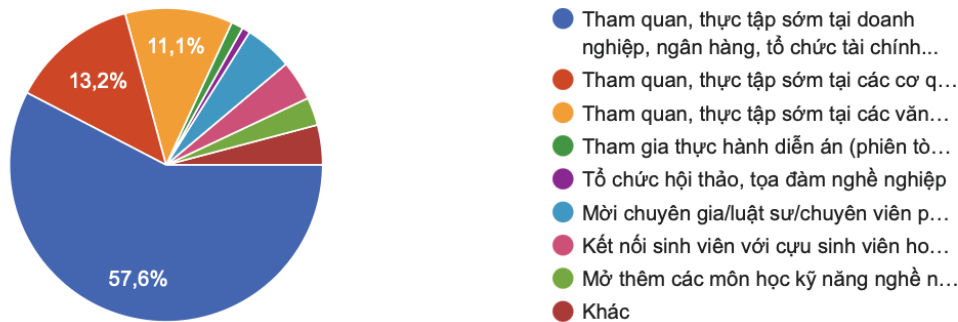
4.4. Những kỹ năng quan trọng cần trau dồi

Ở câu hỏi về những kỹ năng mà sinh viên cho quan trọng nhất đối với lĩnh vực đã chọn (cho phép chọn tối đa ba kỹ năng), sinh viên đánh giá cao nhất các kỹ năng phân tích và áp dụng pháp luật (76,1%), phân tích và lập luận (67,8%) và đàm phán, soạn thảo văn bản/hợp đồng (62%). Đây là ba nhóm kỹ năng cốt lõi của nghề luật nói chung và nghề pháp chế/tư vấn doanh nghiệp nói riêng. Việc sinh viên nhận diện đúng tầm quan trọng của các kỹ năng này là tín hiệu tích cực, cho thấy ý thức nghiêm túc về định hướng nghề nghiệp trong tương lai của sinh viên

tại doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính” (59%). Điều này phù hợp với mong muốn làm việc trong mảng pháp chế - tư vấn doanh nghiệp của đa số sinh viên: họ mong muốn được tiếp xúc sớm với môi trường công việc thực tế thay vì chỉ học lý thuyết trên giảng đường.

Các lựa chọn tiếp theo, với tỷ lệ thấp hơn nhưng vẫn đáng kể, là “Tham quan, thực tập sớm tại cơ quan tư pháp”

(12,7%), “Tham quan, thực tập tại các văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, văn phòng thừa phát lại” (12,2%), “Tổ chức hội thảo, tọa đàm nghề nghiệp”, “Mời chuyên gia, luật sư, chuyên viên pháp chế về chia sẻ”, và “Mở thêm các môn học kỹ năng nghề nghiệp”. Điều này thể hiện sinh viên mong muốn một hệ sinh thái hỗ trợ nghề nghiệp đa dạng, bao gồm cả trải nghiệm thực tế, hoạt động mô phỏng (diễn án, phiên tòa giả định), và các kênh thông tin - tư vấn từ người đang hành nghề.



Hình 5. Nhu cầu mong muốn được hỗ trợ của người được khảo sát

Từ việc phân tích đồng bộ các nhóm câu hỏi, có thể rút ra một số nhận xét tổng hợp:

Thứ nhất, xu hướng dịch chuyển định hướng nghề nghiệp của sinh viên luật từ khu vực nhà nước sang khu vực doanh nghiệp là hết sức rõ ràng. Điều này hoàn toàn phù hợp với những thay đổi về nhu cầu lao động pháp lý trong kỷ nguyên số, nơi doanh nghiệp - đặc biệt là ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty công nghệ - ngày càng cần đội ngũ pháp chế có kiến thức liên ngành và tư duy quản trị rủi ro. Sự thay đổi này cho thấy định hướng đào tạo truyền thống vốn đặt trọng tâm vào hệ thống tư pháp nhà nước đang dần không đáp ứng được yêu cầu thị trường và nguyện vọng người học.

Thứ hai, sinh viên thể hiện nhận thức tương đối rõ ràng về những kỹ năng

Các kết quả này hoàn toàn phù hợp với xu thế đổi mới đào tạo luật hiện nay: nhiều trường luật trên thế giới và trong nước đang phát triển mô hình tăng cường tín chỉ thực tập và các học phần kỹ năng. Với nhóm sinh viên được khảo sát, nhu cầu đó càng rõ rệt vì họ nhận thức khá sớm rằng muốn làm việc tốt trong môi trường doanh nghiệp, họ không thể chỉ dựa vào điểm số, mà cần kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng nghề nghiệp.

nghề nghiệp cốt lõi mà công việc tương lai đòi hỏi. Việc phần lớn sinh viên lựa chọn các kỹ năng phân tích - áp dụng pháp luật, lập luận pháp lý, và đàm phán - soạn thảo hợp đồng cho thấy họ hiểu đúng yêu cầu thực tiễn của nghề pháp chế doanh nghiệp. Đây cũng là minh chứng cho thấy người học không chỉ định hướng đúng lĩnh vực mong muốn mà còn xác định rõ năng lực cần được phát triển để đáp ứng vị trí việc làm trong môi trường kinh doanh hiện đại.

Thứ ba, nhu cầu được đào tạo theo hướng liên ngành nổi lên như một đặc điểm nổi bật. Việc hơn một nửa sinh viên có kế hoạch học văn bằng hai hoặc bổ sung kiến thức kinh tế cho thấy họ nhận thức rõ ràng hành nghề pháp lý trong bối cảnh số hoá đòi hỏi kiến thức đa chiều, vượt khỏi khuôn khổ pháp luật thuần túy. Điều này củng cố luận điểm về xu hướng

“Law & Business”, “Law & Finance”, “Law & Technology” và đặt ra yêu cầu mạnh mẽ đối với nhà trường trong việc thiết kế chương trình đào tạo tích hợp, linh hoạt và mở.

Thứ tư, sinh viên mong đợi rất lớn vào các hoạt động hỗ trợ nghề nghiệp từ phía nhà trường. Việc họ ưu tiên những hoạt động mang tính trải nghiệm thực tiễn - như thực tập sớm tại doanh nghiệp, ngân hàng hoặc tổ chức tài chính - cho thấy khoảng trống giữa đào tạo lý thuyết và yêu cầu công việc thực tế vẫn còn đáng kể. Đồng thời, nhu cầu về hội thảo nghề nghiệp, mô phỏng, và giao lưu với chuyên gia thực hành phản ánh mong muốn được tiếp xúc sớm với môi trường nghề nghiệp để định hình lộ trình phát triển một cách chính xác hơn.

V. Kết luận và gợi mở định hướng đổi mới đào tạo luật

Kết quả khảo sát và phân tích cho thấy bối cảnh chuyển đổi số và sự thay đổi mạnh mẽ về nhu cầu nhân lực pháp lý đang đặt ra những yêu cầu cấp thiết đối với đào tạo luật tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam. Nhu cầu của thị trường lao động đang nghiêng rõ rệt về phía khu vực doanh nghiệp, trong khi số lượng chỉ tiêu và cơ hội việc làm tại các cơ quan nhà nước đang dần bị thắt chặt. Để bắt kịp xu hướng này, đòi hỏi các cơ sở đào tạo luật cần thực hiện những đổi mới mang tính chiến lược và toàn diện, có thể kể đến như:

- *Điều chỉnh mục tiêu và cấu trúc chương trình đào tạo*: Bên cạnh mục tiêu truyền thống là cung cấp cán bộ cho hệ thống tư pháp, cần xác định rõ mục tiêu đào tạo chuyên gia pháp lý cho khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là trong các lĩnh vực gắn với chuyển đổi số (ngân hàng số, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu, tài

chính số...). Điều này phải được phản ánh trong cấu trúc chương trình bằng việc tăng tỷ trọng các học phần pháp luật trong kinh doanh, tài chính - ngân hàng, công nghệ.

- *Phát triển các chương trình luật theo hướng liên ngành*: Xây dựng hoặc điều chỉnh các chương trình đào tạo theo hướng liên thông với các ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin. Đào tạo luật trong bối cảnh phát triển công nghệ số đòi hỏi người học phải được trang bị cả tư duy pháp lý lẫn hiểu biết về quy trình, mô hình kinh doanh và công nghệ ứng dụng.

- *Tăng cường đào tạo kỹ năng nghề nghiệp và trải nghiệm thực tế*: Thiết kế các học phần kỹ năng nghề luật (phân tích - lập luận pháp lý, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, đàm phán và soạn thảo hợp đồng) với số tín chỉ tương xứng; đồng thời xây dựng cơ chế thực tập bắt buộc tại doanh nghiệp, tổ chức tài chính, văn phòng luật sư hoặc cơ quan tư pháp, tùy theo định hướng của sinh viên. Việc khảo sát sinh viên cho thấy họ sẵn sàng và mong muốn được tham gia các hình thức này ngay từ năm thứ nhất, nên cơ sở đào tạo có thể thiết kế lộ trình trải nghiệm nghề nghiệp theo từng năm học.

- *Thiết lập hệ thống hỗ trợ định hướng nghề nghiệp bền vững*: Cơ sở đào tạo nên có bộ phận tư vấn nghề nghiệp chuyên trách tổ chức thường xuyên các hoạt động như: tọa đàm với doanh nghiệp, chuỗi talkshow với các luật sư/nhân viên pháp chế, chương trình liên kết giữa cựu sinh viên và sinh viên. Dữ liệu khảo sát cho thấy đây là những hoạt động mà sinh viên đánh giá là hữu ích và mong muốn được tham gia.

- *Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trong dạy và học luật*: Ngoài việc sử dụng

hệ thống quản lý học tập (LMS), cần hướng tới việc tích hợp các nguồn tài nguyên số, thư viện pháp luật điện tử, phần mềm hỗ trợ soạn thảo - phân tích hợp đồng, nền tảng mô phỏng phiên tòa, thậm chí cả các công cụ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ nghiên cứu pháp lý. Đây vừa là nội dung đào tạo, vừa là phương thức giúp sinh viên làm quen với môi trường hành nghề tương lai.

Những định hướng trên không chỉ nhằm giải quyết bài toán “đầu ra” cho sinh viên luật mà còn hướng tới mục tiêu lớn hơn: xây dựng đội ngũ nhân lực pháp lý đủ năng lực tham gia vào quá trình kiến tạo và thực thi khuôn khổ pháp lý cho chuyển đổi số quốc gia.

Mặc dù, trong bài viết này, nhóm tác giả mới thực hiện khảo sát trên một khóa sinh viên tại một cơ sở đào tạo, nên chưa thể phản ánh toàn bộ bức tranh định hướng nghề nghiệp của sinh viên luật trên cả nước. Tuy nhiên, các kết quả thu được bước đầu cho thấy xu hướng dịch chuyển rõ rệt và cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để các nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục tham khảo trong quá trình thiết kế và điều chỉnh chính sách đào tạo trong thời kỳ chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Armour, J., Deakin, S. F., Mollica, V., & Siems, M. (2010). *Law and financial development: What we are learning from time-series evidence* (ECGI Law Working Paper No. 148/2010). SSRN. <https://ssrn.com/abstract=1580120>.
- [2]. Bridgstock, R. (2009). The graduate attributes we've overlooked: Enhancing graduate employability through career management skills. *Higher Education Research & Development*, 28(1), 31-44. <https://doi.org/10.1080/07294360802444347>.
- [3]. Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025.). *Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 về việc ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học*.
- [5]. Dang, N. T., & Bui, V. H. (2025). Education 5.0: Future education trends in the smart society era. *Journal of Technical Education Science*, 20(Special Issue 01), 93-101. <https://doi.org/10.54644/jte.2025.169>.
- [6]. Diep, P. C. (2025). Didactics in the context of Education 5.0 at the higher education level. *Journal of Technical Education Science*, 20(Special Issue 01), 54-64. <https://doi.org/10.54644/jte.2025.1666>.
- [7]. Graben, S. (2021). Law and technology in legal education: A systemic approach at Ryerson. *Osgoode Hall Law Journal*, 58(1), 139-162. <https://doi.org/10.60082/2817-5069.3634>.
- [8]. Hà Anh. (2023). *Chỉ hơn 10% sinh viên giỏi muốn đi làm cho các cơ quan nhà nước*. Thanh Niên. <https://thanhnien.vn/chi-hon-10-sinh-vien-gioi-muon-di-lam-cho-cac-co-quan-nha-nuoc-185230223235457155.htm>.
- [9]. Hồng Linh. (2025). *Đào tạo luật theo hướng liên ngành là xu hướng cần thiết trong bối cảnh mới*. Giáo Dục Việt Nam. <https://giaoduc.net.vn/dao-tao-luat-theo-huong-lien-nganh-la-xu-huong-can-thiet-trong-boi-can-h-moi-post255760.gd>.
- [10]. Jackson, D. (2016). Re-conceptualising graduate employability: The importance of pre-professional identity. *Higher Education Research & Development*, 35(5), 925-939. <https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/07294360.2016.1139551>.
- [11]. Lê, D. S. (2014). Thiết lập một cơ chế thông tin hiệu quả cho mối quan hệ cung - cầu giữa giáo dục đại học và thị

- trường lao động. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, 2(75), 34-37. <https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/92>.
- [12]. Nguyễn, S. H. (2025). The role of universities in Education 5.0 towards lifelong learning. *Journal of Technical Education Science*, 20(Special Issue 01), 65-73. <https://doi.org/10.54644/jte.2025.1662>.
- [13]. Nguyễn, T. T. H., & Đỗ, T. D. L. (2025). Đào tạo cử nhân luật trong bối cảnh phát triển công nghệ số. *Luật Sư Việt Nam (LSVN)*. <https://lsvn.vn/dao-tao-cu-nhan-luat-trong-boi-can-phat-trien-cong-nghe-so-a164255.html>.
- [14]. Raelin, J. A. (1997). A model of work-based learning. *Organization Science*, 8(6), 563-578. <https://doi.org/10.1287/orsc.8.6.563>.
- [15]. Tamanaha, B. Z. (2011). The Rule of Law and Legal Pluralism in Development. *Hague Journal on the Rule of Law*, 3(1), 1-17. <https://doi.org/10.1017/S1876404511100019>.
- [16]. Yorke, M. (2006). *Employability in higher education: What it is - what it is not*. The Higher Education Academy. https://www.researchgate.net/publication/225083582_Employability_in_Higher_Education_What_It_Is_What_It_Is_Not.

RETHINKING THE ORIENTATION OF LEGAL EDUCATION REFORM IN VIETNAMESE HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS IN THE DIGITAL ERA

Do Thi Minh Phuong¹, Vu Thi Lan Huong²

Abstract: *The context of digital transformation and the shift in demand for legal human resources toward the corporate sector have created an urgent need to reform legal education in Vietnam. This study employs document analysis, combined with a survey of 273 first-year students majoring in Economic Law, to identify career orientation trends and skill demands. The findings indicate that 73.2% of students aspire to work as in-house legal counsel, and more than half plan to pursue a second major, reflecting a clear trend toward interdisciplinary education. The skills rated as most important include legal analysis and application, analytical reasoning and argumentation, and negotiation and legal/contract drafting. Students also express a strong demand for early internships and support for career orientation. Based on these findings, the article proposes reforming educational objectives and the curriculum structure to align with labor-market needs, strengthening professional skills training, expanding university-industry linkages, and enhancing the application of technology in legal education.*

Keywords: *digital transformation, legal education, career orientation, legal professional skills, in-house legal counsel*

¹ Banking Academy of Vietnam